

ASEAN 40 NĂM:

những tình huống phát triển mới của khu vực và triển vọng cho Việt Nam

TRẦN ĐÌNH THIÊN^(*)

Mười năm sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ, “Phục hưng” là khái niệm mới diễn đạt trạng thái phát triển của Đông Á, một khu vực mà ASEAN đang đóng vai trò là trục liên kết. Khi gần các quá trình đang diễn ra ở Đông Á với một khái niệm rất lớn của lịch sử nhân loại - thời đại Phục hưng -, các tác giả của công trình nghiên cứu mà Ngân hàng Thế giới mới xuất bản (1) thực sự đã dành sự đánh giá rất cao triển vọng và khả năng đóng góp của Đông Á vào tương lai của thế giới. Từ góc nhìn ASEAN, sự đánh giá cao đó buộc chúng ta phải tự đặt ra câu hỏi: Khái niệm Phục hưng, với tất cả tầm vóc lịch sử to lớn của nó, gần với ASEAN như thế nào, đúng với ASEAN thế nào khi tổ chức liên kết này tròn tuổi 40?

Đối với Việt Nam, một thành viên 10 năm tuổi của ASEAN, với tất cả những cơ hội mới, được coi là rất lớn đang mở ra, sự đánh giá đó có ý nghĩa gì? Một khi hoàn cảnh phát triển - ở tất cả các cấp độ: toàn cầu, châu Á, Đông Á và trong chính khu vực ASEAN - đã, đang và chắc sẽ còn đổi thay mạnh mẽ, việc đặt ra những câu hỏi như vậy là cần thiết. Mục tiêu là để tìm kiếm cách tiếp cận mới và các giải pháp phát triển mới phù hợp cho cả ASEAN lẫn cho Việt Nam, với tư cách là một thành viên ngày càng quan trọng của ASEAN.

Bài viết này chỉ nhằm góp một phần nhỏ vào việc trả lời những câu hỏi đó. Khuôn khổ bài viết chỉ giới hạn trong phạm vi các vấn đề của khu vực Đông Á và ASEAN, kể cả các vấn đề thuộc về bối cảnh chung.

1. Xu hướng chung ở Đông Á

Cùng với sự nổi lên mạnh mẽ của Trung Quốc, quá trình khôi phục nhanh chóng sau cuộc khủng hoảng 1997-1998 của các nền kinh tế trong khu vực đã giúp Đông Á trở thành một trong những trung tâm kinh tế lớn

nhất, trong đó, đặc biệt nổi lên vai trò của một trung tâm công nghiệp, của thế giới hiện đại. Sản lượng công nghiệp mà Đông Á sản xuất ra, nhất là các sản phẩm được sản xuất bằng công nghệ trung bình, chiếm tỷ phần

^(*) PGS, TS. Viện Kinh tế Việt Nam, Viện KHXH Việt Nam.

ngày càng cao trong sản lượng công nghiệp toàn cầu.

Sự gia tăng mạnh dòng đầu tư nước ngoài vào các nền kinh tế Đông Á và vị thế trung tâm công nghiệp của thế giới^(*) của khu vực có mối quan hệ nhân quả chặt chẽ. Điều này không chỉ tạo động lực tăng trưởng mạnh, làm thay đổi diện mạo kinh tế của Đông Á trong nền kinh tế toàn cầu mà còn làm thay đổi mô hình tăng trưởng (hay làn sóng công nghiệp) và tương quan cạnh tranh giữa các nền kinh tế trong khu vực.

Trước khủng hoảng 1997-1998, sự phát triển kinh tế ở Đông Á diễn ra theo *mô hình làn sóng*, với đội hình “đàn sếu bay” do Nhật Bản dẫn đầu. Trung Quốc và Việt Nam gia nhập đội hình làm cho quá trình này dường như vẫn tiếp tục diễn ra bình thường sau khủng hoảng. Cách phát triển tuần tự phần nào giúp Đông Á giảm bớt những rủi ro cạnh tranh, đặc biệt là đối với các nền kinh tế đi sau. Các nước đi sau đuổi theo các nước đi trước, có thể rút ngắn khoảng cách phát triển và ít nhiều có cạnh tranh nhưng nói chung, khoảng cách giữa các nhóm nước (các làn sóng) đủ để bảo đảm sự an toàn.

Tuy nhiên, bước vào thế kỷ XXI, dưới tác động của khủng hoảng và của

sự chuyển hướng dòng đầu tư nước ngoài, sự trỗi dậy mạnh mẽ của nền kinh tế khổng lồ Trung Quốc - khổng lồ cả về quy mô lẫn tính đa dạng về cấp độ và tiềm lực phát triển - đã làm biến đổi làn sóng công nghiệp, tạo ra khuynh hướng mới trong tiến trình phát triển kinh tế của Đông Á.

Thứ nhất, quá trình di chuyển cơ cấu công nghiệp theo kiểu làn sóng giữa các nước trong khu vực vẫn tiếp tục được duy trì nhưng với một tốc độ cao hơn, nhờ đó, khoảng cách phát triển giữa các nền kinh tế ngày càng được thu hẹp.

Thứ hai, phân công lao động theo “chuỗi giá trị gia tăng” giữa các nước trong khu vực là xu hướng ngày càng trỗi dậy, *trở thành một mô hình phát triển công nghiệp mới ở Đông Á*. Xu hướng này tạo cơ sở cho một sự liên kết phát triển giữa các nước có nhiều nội dung mới và chặt chẽ hơn. Về nguyên tắc, tất cả các nền kinh tế, nếu tham gia được vào chuỗi liên kết này, sẽ có nhiều cơ hội để nhận được lực kéo phát triển của cả khu vực.

Thứ ba, ngoài hai khả năng trên, trong các điều kiện toàn cầu hóa và phát triển kinh tế tri thức, xuất hiện khả năng các nước đi sau tăng tốc rượt đuổi các nước đi trước bằng cách bỏ qua một số giai đoạn phát triển để chuyển nhanh sang trình độ công nghệ cao hơn. Cách thức phát triển rút ngắn đến mức có thể được coi là bỏ qua giai đoạn công nghiệp hóa để tiến thẳng vào giai đoạn công nghệ cao mà Hàn Quốc và Malaysia thực hiện thành công trước

^(*) Hiện nay, Trung Quốc được coi là “đại công xưởng của thế giới”. Nếu nhìn rộng ra, thêm vào đó các NIEs, ASEAN và Ấn Độ với sức tăng trưởng công nghiệp hàng năm cao bậc nhất thế giới, càng không có lý do để phản bác ý kiến cho rằng Đông Á đang đóng vai trò là trung tâm công nghiệp của thế giới hiện đại và ngày càng chứng tỏ điều đó là một căn cứ suy xét nghĩa vụ và trách nhiệm lớn hơn của Việt Nam trong việc thúc đẩy quá trình liên kết ASEAN, tăng cường và củng cố sức mạnh của khối. Việt Nam cần coi đây là một trong những lợi ích phát triển cơ bản dài hạn của chính mình.

đây (*J. Naisbitt, 1988*), nay đang được lặp lại khá thành công ở Trung Quốc và Ấn Độ. Tất nhiên, để tận dụng khả năng này, cần một số điều kiện xác định (ví dụ tiềm lực tài chính, công nghệ, nguồn nhân lực, thị trường, chiến lược phát triển và mức độ liên kết kinh tế với thế giới và khu vực). Những điều kiện này các nước kém phát triển đi sau không dễ có được.

Từ các đặc trưng phát triển mới của Đông Á, dễ nhận thấy rằng tùy thuộc vào các điều kiện và năng lực cụ thể của mỗi nước, tốc độ tiếp nhận “làn sóng cơ cấu” (*trong mô hình “làn sóng”*) và tốc độ di chuyển trên các nấc thang công nghệ (*trong mô hình “chuỗi giá trị gia tăng”*) là rất không đều giữa các nền kinh tế. Nói chung, những nước đi sau kém phát triển hơn, rõ nhất là ASEAN-4 (*Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam*), gặp nhiều khó khăn hơn khi tham gia hệ thống phân công lao động khu vực theo cả hai mô hình công nghiệp hiện có ở Đông Á. Trong khi đó, nhờ vào ưu thế về quy mô, dải cơ cấu rộng và sức mạnh tổng thể, Trung Quốc có thể tiến nhảy vọt trên các nấc thang công nghệ, nêu một ví dụ điển hình về khả năng thu hẹp khoảng cách với các nước đi trước, qua đó, tạo nên sự thay đổi mạnh mẽ cục diện (tương quan) phát triển trong khu vực.

Châu Á được dự báo là sẽ tiếp tục giữ được nhịp độ tăng trưởng cao và phát triển năng động trong giai đoạn tới.

Cùng với Trung Quốc, Ấn Độ - những nền kinh tế đang được coi là “những người khổng lồ” trên thế giới (A.

Winters và S. Yusuf, 2007)-, sự phát triển mạnh của các nền kinh tế khác như Nhật Bản (với quá trình đổi mới của nền kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ), các nền kinh tế ASEAN với vai trò gia tăng, tạo thành một khu vực năng động, tiếp tục đóng vai trò quan trọng (vai trò kết nối) trong các tiến trình liên kết Đông Á và Châu Á - Thái Bình Dương.

Kết quả tăng trưởng và phát triển của Châu Á và cách tăng trưởng của khu vực này đang đưa đến một tư duy phát triển mới cho các nước trong khu vực, với các nội dung chính là 1/ tận dụng tối đa các cơ hội phát triển trong khu vực; 2/ bằng cách hội nhập sâu vào các quá trình khu vực, coi đây là cách thúc hiệu quả để tiếp cận và tiếp nhận những thành quả phát triển trong khu vực mang lại.

Tất cả những điều nói trên xác nhận rằng:

1/ Triển vọng dài hạn của Đông Á là sáng sủa và cơ hội phát triển cho cả khu vực là rộng lớn.

2/ Điều kiện tiếp cận và khả năng tận dụng cơ hội giữa các nền kinh tế trong khu vực là khác nhau. Các nền kinh tế “yếu thế” hơn sẽ phải đối mặt với những thách thức và khó khăn lớn hơn.

Trong bối cảnh như vậy, tham gia sâu hơn vào các quá trình liên kết kinh tế khu vực là điều kiện quan trọng giúp các nền kinh tế “yếu thế” thu hẹp nhanh hơn khoảng cách phát triển với các nền kinh tế phát triển hơn.

2. Sự trỗi dậy của Trung Quốc: tình huống phát triển mới

Như đã nêu ở trên, sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ đang tạo ra cơ hội phát triển to lớn cho cả thế giới.

Trước hết, đó là cơ hội thị trường, mở ra từ sự bùng nổ tăng trưởng của hai nền kinh tế có quy mô dân số tổng cộng 2,5 tỷ người và tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 8-9%. Đây thực sự là sự bùng nổ thị trường lớn chưa từng thấy. Nó tạo thành động lực tăng trưởng mạnh hiếm có cho cả thế giới.

Về triển vọng, theo dự đoán của nhiều học giả, cơ hội này vẫn tiếp tục được duy trì và mở rộng ít nhất trong vài thập niên tới. Lý do chính là dư địa cải cách thể chế theo hướng thị trường - mở cửa và hội nhập của Trung Quốc và Ấn Độ còn rất rộng. Thêm vào đó, không gian công nghệ cho sự phát triển nhảy vọt cơ cấu của hai nền kinh tế này, trong bước chuyển lên kinh tế tri thức, hầu như không bị giới hạn.

Thứ hai, sự bùng nổ kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ kéo theo sự dịch chuyển mạnh dòng FDI, cả về khối lượng lẫn cơ cấu. Trung Quốc và Ấn Độ là hai yếu tố chủ chốt đang tái định hướng dòng FDI toàn cầu. Chúng hút FDI đổ mạnh vào hai nền kinh tế này, đồng thời, tạo sức lan tỏa đầu tư cho cả khu vực Nam Á và Đông Á.

ASEAN và Việt Nam có nhiều cơ hội hưởng lợi từ sự dịch chuyển dòng đầu tư này. Nhưng vấn đề là lợi được hưởng lớn đến mức nào. Đây là điều

tùy thuộc vào chính sự lựa chọn các giải pháp của ASEAN và Việt Nam^(*).

Trong phạm vi khu vực, Trung Quốc đang tạo ra một cục diện phát triển mới, trong đó, bản thân Trung Quốc ngày càng thể hiện rõ thế trội trong việc xác định "luật chơi" của khu vực Đông Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng :

- Đẩy nhanh Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), nỗ lực vượt trước Nhật Bản trong việc "tiếp cận" ASEAN, chủ động trong các tiến trình Đông Á và thông qua các nước trong khu vực để thiết định chiến lược "hoà bình phát triển" nhằm biến Trung Quốc trở thành một cực phát triển của thế giới hiện đại.

- Bằng việc triển khai chiến lược "một trục, hai cánh", Trung Quốc đang tích cực mở rộng không gian phát triển, lôi cuốn cả khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là các nước thuộc Tiểu vùng sông Me Kong mở rộng (GMS) vào "cực tăng trưởng mới Trung Quốc-ASEAN" do Trung Quốc dẫn dắt để vươn ra thế giới. Với "một trục, hai cánh", Trung Quốc đang cố gắng nối thông con đường xuyên Á, tiến ra Ấn Độ Dương, mở rộng tầm hoạt động trên Thái Bình Dương..., bắt đầu triển khai một cuộc chinh phục mới.

^(*) Chuyện "ăn theo hưởng lợi" đương nhiên chỉ là một vế của vấn đề. Một vế khác, có thể coi là vế chủ đạo của sự dịch chuyển dòng FDI do Trung Quốc và Ấn Độ tạo ra, là sự cạnh tranh thu hút vốn đầu tư trên thế giới và trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á sẽ trở nên khốc liệt hơn. Trong cuộc cạnh tranh này (thực chất là cạnh tranh với Trung Quốc và Ấn Độ), bất lợi thế nghiêng hẳn về các nền kinh tế quy mô nhỏ. Nguyên lý "nước chảy chỗ trũng" càng làm gia tăng sự bất lợi đó.

- Thay vì chỉ tiếp nhận đầu tư nước ngoài, Trung Quốc sẽ tích cực đầu tư ra thế giới, sẽ mua của thế giới nhiều thứ và bằng nhiều cách. Những ngành tiêu tốn nhiều năng lượng, nguyên liệu, lao động và gây ô nhiễm môi trường chắc chắn sẽ “chuyển dịch” dần từ Trung Quốc sang các nước kém phát triển hơn trong khu vực. Nếu ASEAN không có chiến lược phát triển bứt phá để vượt lên, khả năng các nền kinh tế ASEAN, đặc biệt là GMS, trở thành khu vực cung ứng đầu vào cho nền kinh tế Trung Quốc là điều cần được tính đến.

- Để bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng cao cho một nền kinh tế khổng lồ, Trung Quốc sẽ phải đáp ứng nhu cầu rất lớn về nguyên liệu, năng lượng, lao động v.v... Chiến lược khai thác tài nguyên của Trung Quốc theo đúng phương châm của thời đại toàn cầu hóa: cố gắng bảo toàn nguồn tài nguyên quốc gia, tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn lực bên ngoài, nhất là ở những vùng sử dụng chung, “xa trước, gần sau”, v.v. Không nghi ngờ gì rằng sự phát triển mạnh của Trung Quốc vừa có tác động thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu, vừa gây mất cân bằng và tạo thiếu hụt lớn các nguồn lực khan hiếm trong nền kinh tế thế giới. Điều đó sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các nước trên thế giới và sẽ gây khó khăn không nhỏ cho những nước liên kề trong khu vực.

Sự “trỗi dậy hoà bình” của Trung Quốc *đặt ra nhiều thay đổi trong tư duy phát triển* của các nước.

Một nét chung mang tính nguyên tắc của sự thay đổi tư duy này là 1/

khó có thể ngăn cản được xu hướng gia tăng sức mạnh và tầm vóc chiến lược của Trung Quốc; 2/ các nền kinh tế nhỏ đi sau không nên tìm cách cạnh tranh - đối đầu với Trung Quốc. Ngược lại, các nước trong khu vực cần tận dụng thời cơ Trung Quốc trỗi dậy hoà bình để bứt phá phát triển nhằm tạo dựng những nền tảng phát triển vững chắc, xây dựng và củng cố các cơ sở hợp tác phát triển bình đẳng giữa các nền kinh tế trong điều kiện mới.

3. Những tình huống phát triển mới của chính ASEAN

Dường như ASEAN đang lâm vào một tình thế đối nghịch khó khăn trong quá trình phát triển. Một mặt, toàn khối đang gia tăng nỗ lực liên kết, hướng mạnh tới một khối ASEAN liên kết hiệu quả hơn, mạnh hơn và đóng vai trò quan trọng hơn trong các quá trình toàn cầu và khu vực. Việc rút ngắn thời gian thiết lập Cộng đồng ASEAN xuống năm 2015, mong muốn có sớm Hiến chương ASEAN là những bằng chứng rất rõ ràng. Nhưng mặt khác, cơ sở cho một quá trình liên kết tốc độ cao như vậy lại chậm được gia cố và tăng cường, thậm chí xuất hiện những điểm yếu nghiêm trọng. Sự chậm trễ trong việc thống nhất và đưa vào thực thi những nguyên tắc liên kết mang tính bắt buộc cao (công thức 2+X hay 10-X), sự phục hồi kinh tế chậm trễ của một số quốc gia gắn với những xu thế bất ổn định chính trị - xã hội kéo dài (Thailand, Philippines),... đang làm suy yếu các nỗ lực liên kết chung và gây những cản trở cho việc thúc đẩy quá trình liên kết hướng tâm của ASEAN.

Trong mấy năm gần đây, cùng với quá trình phục hồi nhanh chóng sau khủng hoảng, và để tạo lập các con đề ngăn chặn khủng hoảng, ASEAN tăng cường các nỗ lực liên kết, cả theo chiều rộng lẫn theo chiều sâu.

ASEAN đang chứng kiến nỗ lực tăng tốc ký các Hiệp định thương mại - đầu tư, cả ở cấp độ toàn khối (ví dụ ASEM, ACFTA, AKFTA, v.v...) lẫn ở cấp độ quốc gia (các Hiệp định Thương mại tự do song phương). Biên của quá trình liên kết ASEAN đang được mở rộng nhanh chóng, đến mức được coi là “nở rộ”.

Bên cạnh đó, các quá trình liên kết “nội” ASEAN cũng đang được thúc đẩy theo hướng tăng chất lượng hợp tác bên trong khối. Sau AFTA, Cộng đồng ASEAN, dựa trên ba trụ cột kinh tế, an ninh, văn hóa, đang được đẩy nhanh đến một giới hạn khó hình dung về tính hiện thực của mục tiêu đặt ra (thiết lập vào năm 2015 thay vì năm 2020).

Tất cả những động thái này đều nhằm mục tiêu rõ ràng: nhanh chóng tạo một liên minh ASEAN vững chắc.

Đà “Phục hưng” nhanh chóng ASEAN sau khủng hoảng là một yếu tố thúc đẩy xu hướng này, tạo niềm tin về tính hợp lý, hiện thực của mục tiêu đặt ra.

Trong bối cảnh đua tranh - cạnh tranh giữa ASEAN và các đối tác - đối thủ hiện nay, việc đạt được mục tiêu đó là câu chuyện có ý nghĩa sống còn, không chỉ cho cả ASEAN mà cả cho từng thành viên của nó.

Nhưng nhìn từ một góc độ khác, quá trình tiến tới một ASEAN như vậy đang gặp những cản trở rất lớn, cả từ bên ngoài lẫn ở bên trong.

Trước hết, chưa hề có dấu hiệu cho một sự thay đổi trong nguyên tắc kiến tạo khối của ASEAN. Một khi nguyên tắc “đồng thuận”, “không can thiệp” vẫn là chủ đạo thì ASEAN phải đánh đổi mong muốn có một ASEAN nhanh chóng trở thành một khối liên kết mạnh để duy trì sự “dễ chịu” trong ứng xử.

Thứ hai, quá trình “Phục hưng” ASEAN diễn ra rất không đều. Một số nền kinh tế phục hồi khá nhanh và vững chắc như Singapore, Malaysia, trong khi một số khác lại phục hồi chậm, còn đi kèm theo tình trạng bất ổn kéo dài (Indonesia, Philippines, Thailand. Tình hình này bổ sung luận cứ để chứng minh một thông lệ: vượt qua trình độ phát triển trung bình để vươn lên thành nước phát triển là điều rất khó khăn). ASEAN sẽ trở thành cái gì nếu thông lệ này cũng sẽ là kết cục của chính nó? Cộng đồng ASEAN có vóc dáng và diện mạo thế nào một khi sự chênh lệch phát triển có khả năng gia tăng mạnh hơn?

Thứ ba, trong khi ASEAN khó vượt lên thì ở Đông Á, tương quan sức mạnh đang thay đổi nhanh chóng: Trung Quốc vượt lên, trở thành thế lực có sức mạnh mặt cả và thiết định trò chơi lớn nhất của khu vực. ASEAN sẽ duy trì thế quân bình nào đó để phát triển ổn định trong quan hệ với Trung Quốc, Nhật Bản, hay để tiếp tục đóng vai trò “trục” liên kết khu vực và quốc tế không thể thay thế được bằng cách nào?

Cuối cùng, trong một cục diện chung như vậy, nền kinh tế nào của ASEAN đủ tư cách đóng vai trò lãnh đạo, dẫn dắt công cuộc phục hưng và liên kết toàn khối? Nếu tiếp tục không có leadership, liệu ASEAN sẽ đi tới đâu^(*)?

4. Những vấn đề của Việt Nam

Sau khi trở thành thành viên WTO, trong khuôn cảnh chung như vậy, Việt Nam trở thành một địa chỉ hấp dẫn nhiều cơ hội tốt để bước vào một nhịp tăng trưởng và phát triển nhiều triển vọng.

Ngoài những cơ hội đã lộ diện khá rõ như làn sóng FDI, FPI đổ vào mạnh hay hiệu ứng mở rộng thương mại, tại thời điểm hiện nay và trong giai đoạn trước mắt, hai biến cố - xu hướng tất yếu nhưng mang tính tình thế rất cao sẽ tác động rất mạnh đến triển vọng của Việt Nam. Đó là:

- Sự xuất hiện công thức đầu tư nước ngoài ở Đông Á “*Trung Quốc + 1*”;
- Xu hướng tăng giá mạnh đồng Nhân dân tệ trên thị trường thế giới.

Chúng ta sẽ lần lượt đề cập hai tình huống:

Tình huống thứ nhất: hiệu ứng tạo dòng đầu tư “Trung Quốc + 1”

Như đã biết, sau cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ Đông Á 1997-

1998, Trung Quốc trở thành tâm điểm thu hút đầu tư nước ngoài của khu vực cũng như trong nền kinh tế thế giới. Nhưng vài năm gần đây, xảy ra một loạt sự kiện và xu hướng - dịch Sarx, cúm gà, tình trạng ô nhiễm (và cách phản ứng “có vấn đề” của Chính phủ Trung Quốc), chi phí lao động tăng, khả năng đồng Nhân dân tệ tăng giá, vụ tấn công sứ quán Nhật Bản gọi lại kỷ niệm “cách mạng văn hóa”, v.v... đánh thức các nhà đầu tư nước ngoài nguyên lý “không nên bỏ hết trứng vào một giỏ”. Các nhà đầu tư nước ngoài nhận thấy nguy cơ rủi ro nếu họ tiếp tục chỉ tập trung đầu tư vào Trung Quốc. Công thức đầu tư mới “Trung Quốc + 1” được đề xuất.

Cần lưu ý rằng trong công thức đầu tư mới, Trung Quốc vẫn là địa chỉ thu hút đầu tư quốc tế hàng đầu. Nhưng đã xuất hiện sự lựa chọn mới mang tính bắt buộc: cần phải có thêm địa chỉ đầu tư ngoài Trung Quốc, tốt nhất là gần Trung Quốc, để một mặt, phân tán rủi ro; mặt khác, vẫn tận dụng được cơ hội bùng nổ của nền kinh tế này.

Theo các tiêu chí lựa chọn như vậy, các nền kinh tế ASEAN và Ấn Độ là những địa chỉ ưu tiên hàng đầu cho sự lựa chọn “+ 1”.

Lôgic đầu tư “Trung Quốc + 1” về bản chất là chia sẻ dòng vốn đầu tư để đạt hiệu quả đầu tư tối ưu chứ không phải là “sự tháo chạy” hay “cạnh tranh loại trừ” trong việc thu hút đầu tư nước ngoài giữa Trung Quốc và các nền kinh tế khác. Theo lôgic đó, các nền kinh tế ngoài Trung Quốc, đặc biệt là những nền kinh tế gần kề với

^(*) Việt Nam có cơ hội khách quan để nâng cao vai trò và vị thế ảnh hưởng của mình trong ASEAN. Đây là một căn cứ để suy xét nghĩa vụ và trách nhiệm lớn hơn của Việt Nam trong việc thúc đẩy quá trình liên kết ASEAN, tăng cường và củng cố sức mạnh của khối. Việt Nam cần coi đây là một trong những lợi ích phát triển cơ bản dài hạn của chính mình.

Trung Quốc, không nên đặt vấn đề cạnh tranh đối đầu với Trung Quốc trong việc thu hút FDI. Cuộc cạnh tranh sẽ chủ yếu là giữa các nền kinh tế ngoài Trung Quốc đang hướng tới mục tiêu “+ 1” để giành vị trí “+1”.

Không còn nghi ngờ gì, đây là một cơ hội mới, rất lớn mở ra trước hết cho các nền kinh tế ASEAN. Sự bùng nổ mang tính đột biến của dòng FDI vào Việt Nam trong năm 2006 (10,6 tỷ USD vốn đăng ký, tăng khoảng 50% so với năm 2005) và dự kiến sẽ bùng nổ mạnh hơn trong năm 2007 (có thể đạt 15-17 tỷ USD vốn đăng ký) là kết quả của sự hội tụ một loạt yếu tố hội nhập thuận lợi, trong đó, có sự đóng góp quan trọng của việc công thức đầu tư “Trung Quốc + 1” phát huy tác dụng. Với sự lựa chọn công thức đầu tư này, lực lượng đầu tư hùng hậu trên thế giới - các công ty, tập đoàn xuyên quốc gia hàng đầu từ Nhật Bản, Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc - đang dành một sự quan tâm thực tiễn đặc biệt to lớn đối với thị trường đầu tư Việt Nam.

Tình huống thứ hai - đồng Nhân dân tệ tăng giá. Việc tăng giá đồng Nhân dân tệ hiện nay đã không còn là một khả năng mà đã trở thành một xu hướng thực tế. Tuy nhiên, do sự ràng buộc của nhiều quan hệ lợi ích, trong vòng hai năm gần đây, đồng Nhân dân tệ chỉ tăng giá chưa đầy 6%. Nhiều đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc đang tiếp tục gây áp lực mạnh đòi Chính phủ Trung Quốc tăng giá đồng Nhân dân tệ (lên 30-40%) để lập lại cân bằng tỷ giá và giảm thâm hụt thương mại (mức thâm hụt mậu dịch

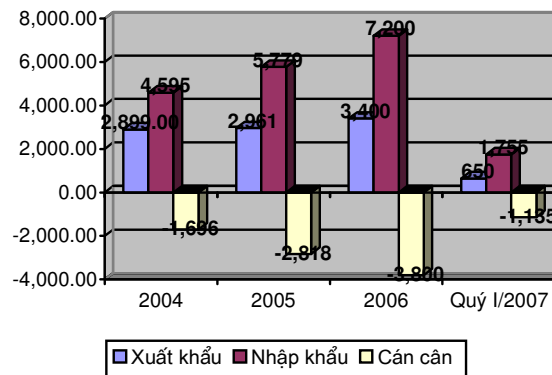
năm 2006 của Mỹ với Trung Quốc là 232,5 tỷ USD).

Cùng với sự lớn mạnh nhanh chóng của nền kinh tế Trung Quốc, xu hướng tăng giá đồng Nhân dân tệ là không thể tránh khỏi. Đây là điều mà Chính phủ Trung Quốc cũng thừa nhận. Để đáp ứng yêu cầu, Chính phủ Trung Quốc chọn lộ trình tăng giá đồng tiền không theo cách mà các đối tác thương mại đòi hỏi - tăng giá mạnh, trong một thời gian ngắn, mà theo cách do Trung Quốc chọn: tăng giá từ từ để vừa tránh gây sốc cho nền kinh tế, vừa giảm dần xung đột thương mại với các đối tác lớn nhất.

Nhưng điều cần quan tâm đầu tiên ở đây chưa phải là cách tăng giá đồng tiền mà là bản thân sự tăng giá đó, ở mức độ 30-40%. Cần phải tính đến tình huống tuy không tăng giá mạnh tức thời đồng Nhân dân tệ, Chính phủ Trung Quốc vẫn phải tăng giá đồng bản tệ đạt mức “cân bằng” như các đối tác thương mại lớn đòi hỏi, tức là tăng 30-40% giá trị tiền tệ sau một thời gian nhất định. Thời gian đó chắc chắn là không thể quá dài mà có thể chỉ trong vòng 1-2 năm.

Câu hỏi đặt ra là điều gì sẽ xảy ra khi đồng Nhân dân tệ tăng giá đến một giới hạn đủ lớn để gây ra các tác động mạnh đến dòng đầu tư và thương mại? Câu hỏi này gợi lại tình huống Nhật Bản tăng giá đồng Yên vào giữa thập niên 1980 và những tác động mạnh mẽ phát sinh từ đó, không chỉ đến nền kinh tế Nhật Bản mà đến cục diện kinh tế toàn cầu và khu vực (xem Chương I).

Thương mại Việt - Trung: mất quân bình nghiêm trọng (triệu USD)



Cơ sở khách quan của tình trạng nhập siêu kéo dài của Việt Nam trong quan hệ thương mại với Trung Quốc là: "trong sự phân công lao động giữa 2 nền kinh tế", xu hướng Việt Nam đóng vai trò "chuyên trách" cung cấp nguyên, nhiên liệu và nông sản thô cho Trung Quốc, còn Trung Quốc thì xuất khẩu sản phẩm công nghiệp công nghệ thấp và trung bình cho Việt Nam với một khối lượng lớn vượt trội ngày càng gia tăng(*)

Nếu kéo dài xu hướng này, không loại trừ khả năng cố định hóa quan hệ thương mại và đầu tư theo kiểu "Bắc - Nam" giữa Trung Quốc và Việt Nam, theo đó, Việt Nam sẽ bị rơi vào "bẫy" tiền lương thấp và tiếp tục tồn tại như một nền kinh tế luôn luôn nằm ở "đẳng cấp thấp hơn" so với Trung Quốc.

Có thể nói rằng cùng với sự tăng giá đồng Nhân dân tệ, sẽ xảy ra những hiệu ứng thương mại và đầu tư. Mức tăng giá càng lớn thì các hiệu ứng sẽ càng mạnh.

Có thể nêu ra hai hiệu ứng chính là:

Thứ nhất, đồng Nhân dân tệ tăng giá sẽ kích thích các nền kinh tế tăng cường xuất khẩu vào Trung Quốc. Đối với Việt Nam, do những đặc điểm trong quan hệ thương mại với Trung Quốc (chủ yếu xuất khẩu hàng nguyên liệu thô, có mức thâm hụt thương mại rất lớn), sức hút nhập khẩu từ Trung Quốc do đồng Nhân dân tệ tăng giá sẽ có tác động rất mạnh. Cho đến nay, quan hệ thương mại Việt - Trung được định hình theo mô hình Việt Nam xuất khẩu nguyên liệu thô và nhập khẩu hàng chế tạo của Trung Quốc, với mức thâm hụt ngày càng lớn (xem Hộp). Xu hướng thương mại này là đặc biệt bất lợi cho Việt Nam. Tuy nhiên, nó đang ngày càng được củng cố.

(*) Có hai điểm cần lưu ý trong cấu hình thương mại giữa hai nền kinh tế.

Thứ nhất, hiện nay, trong cơ cấu nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc, phần lớn nhất là nhập khẩu đầu vào (năng lượng/điện, xăng dầu, nguyên liệu/phôi thép, hoá chất, linh kiện). Tuy nhiên, khác với đầu vào Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc là nguyên liệu thô "tuyệt đối", các đầu vào Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc đều là đầu vào đã qua chế biến. Việt Nam bán than nguyên khai cho Trung Quốc để nhập khẩu điện, bán dầu thô cho Trung Quốc để nhập khẩu xăng dầu, phân hoá học và hoá chất, v.v. Về đẳng cấp, tương quan cơ cấu hai nước vẫn là ở hai trình độ khác nhau.

Thứ hai, hình thái quan hệ "Bắc-Nam" này có thể còn có tác động đến nền kinh tế Việt Nam mạnh mẽ (nghiêm trọng) hơn nếu mô hình tăng trưởng của Trung Quốc thay đổi dưới tác động của việc tăng giá đồng Nhân dân tệ. Dòng đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam có khả năng mạnh lên theo xu hướng tăng cường đầu tư di chuyển các lĩnh vực công nghệ thấp hơn (đã bị vượt qua) sang Việt Nam.

Mặc dù trong thời gian qua, Chính phủ hai nước thường xuyên nêu vấn đề cải thiện tình trạng cán cân thương mại giữa hai bên theo hướng Việt Nam nâng cấp chất lượng cơ cấu xuất khẩu và giảm dần nhập siêu, song tình hình vẫn ngày càng nghiêm trọng hơn cho phía Việt Nam. Cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa có chiến lược xây dựng các lợi thế cạnh tranh mới, tạo lập các cơ sở xuất khẩu mới để thay đổi mạnh cơ cấu sản phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc. Đây là cơ sở chính để dự báo khả năng khó cải thiện tình trạng ngoại thương giữa hai nước trong giai đoạn tới.

Việc đồng Nhân dân tệ tăng giá sẽ càng làm xu hướng đó mạnh lên. Đây chính là vấn đề cần được cảnh báo, cho Việt Nam lẫn cho hàng loạt nền kinh tế thành viên ASEAN.

Việt Nam và ASEAN cần nhanh chóng xây dựng một chiến lược ngoại thương với Trung Quốc - đối tác thương mại hàng đầu hiện nay và trong tương lai. Chiến lược đó phải có mục tiêu thay đổi căn bản cơ cấu sản phẩm xuất khẩu, theo định hướng chính là i) giảm mạnh, đi tới ngừng xuất khẩu tài nguyên, phát triển các năng lực xuất khẩu mới, dựa chủ yếu vào sản phẩm chế biến; ii) tính đến các thị trường ngách (thị trường địa phương và thị trường sản phẩm) của Trung Quốc một cách cụ thể (triển vọng cơ cấu và dung lượng).

Thứ hai, đồng Nhân dân tệ tăng giá sẽ kích thích xu hướng đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Trung Quốc. Hiện nay, mức dự trữ ngoại tệ của Trung Quốc đã lên hơn 1.000 tỷ USD. Con số này đang tiếp tục tăng. Nhiều doanh nghiệp Trung Quốc cũng có kim ngạch xuất khẩu lớn, tạo ra

nguồn vốn ngoại tệ lớn, sẵn sàng được đầu tư ra bên ngoài. Khi đồng Nhân dân tệ tăng giá, cộng thêm vào đó là nỗ lực “hạ nhiệt” tăng trưởng của Chính phủ Trung Quốc, khó có thể nghi ngờ sự xuất hiện của làn sóng đầu tư ra ngoài của các doanh nghiệp Trung Quốc trong thời gian tới. Tùy theo mức độ tăng giá đồng Nhân dân tệ, làn sóng này sẽ gia tăng và được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau - mua lại công ty, đầu tư chứng khoán, FDI. Chính phủ Trung Quốc cũng đã quyết định dành 1/3 số dự trữ ngoại tệ để lập Quỹ đầu tư và bảo hiểm đầu tư ra bên ngoài. Đây là một động thái đón đầu xu hướng tăng giá đồng Nhân dân tệ.

Trong số các địa chỉ mà dòng đầu tư từ Trung Quốc nhắm đến, ASEAN được coi là một trọng điểm. Nhưng trong các nền kinh tế ASEAN, vì nhiều lý do như địa lý gần kề, vị trí địa - chiến lược quan trọng nổi bật, nguồn nhân công rẻ, tương tác văn hóa, v.v..., Việt Nam sẽ là một trong những địa chỉ đầu tư được các nhà đầu tư Trung Quốc chú ý nhiều nhất^(*).

Việt Nam đang là địa chỉ có sức thu hút đầu tư nước ngoài mạnh. Đặt trong tư duy rút ngắn quá trình CNH, HĐH theo hướng hiện đại, khi có một sức thu hút như vậy, việc lựa chọn cơ cấu đầu tư

^(*) Ngoài ra, không thể không tính đến một tình huống thực tế là hiện nay, trong các nước thành viên ASEAN, Việt Nam là quốc gia có độ ổn định chính trị - xã hội và có triển vọng phát triển dài hạn rõ ràng hơn cả. Hầu hết các thành viên chủ chốt của ASEAN (ASEAN - 6) đều đang gặp vấn đề bất ổn chính trị - xã hội ở những mức độ gay gắt và dài hạn khác nhau. Trong khi di chứng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ 1997-1998 còn chưa hoàn toàn chấm dứt, tình hình đó càng làm giảm sức hấp dẫn đầu tư nước ngoài vào các nước này. Trong số các nền kinh tế ASEAN, trọng số tín nhiệm của các nhà đầu tư đang tập trung vào Việt Nam. Đây thực sự là một cơ hội tốt để Việt Nam bắt lên, rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước thành viên ASEAN đi trước.

(cơ cấu ngành nghề và cơ cấu công nghệ) là có tầm quan trọng đặc biệt.

Trong xu hướng liên kết khối, đã đến lúc các nền kinh tế ASEAN, bao gồm Việt Nam, phải đặt ưu tiên về cơ cấu hơn là ưu tiên về khối lượng trong chiến lược thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Nguyên tắc chung là phải đặt ra một trật tự lựa chọn ưu tiên: công nghệ cao phải là hàng đầu; tiếp đó là sử dụng nhiều lao động; thứ ba là tạo cơ sở tiếp cận đến các khu vực thị trường của Trung Quốc. Nếu không có định hướng và giải pháp chính sách tốt, sẽ khó có những giải pháp tích cực để ngăn ngừa những hậu quả phát sinh từ nguy cơ ào ạt đầu tư của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong đó, đa số sử dụng công nghệ thấp, gây ô nhiễm của Trung Quốc là khó tránh khỏi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gill và Kharas. Đông Á phục hưng: ý tưởng phát triển kinh tế. H.: Văn hóa Thông tin, 2007.
2. Hồ An Cường. Trung Quốc - những chiến lược lớn. H.: Thông tấn, 2003.
3. Donnet P.A. Nước Nhật mua cả thế giới. H.: Thông tin Lý luận, 1991.
4. Fishman Ted C. Trung Quốc với tham vọng trở thành siêu cường như thế nào?. H.: Văn hóa - Thông tin, 2007.
5. Trần Quốc Hùng. Cộng sinh hay cạnh tranh. Thời báo Kinh tế Sài Gòn, ngày 4/11/2004.
6. Jomo K.S. CNH của Đông Á: Chính sách công nghiệp, các khả năng và sự phát triển bền vững. Trong cuốn: Tư duy phát triển hiện đại (sách dịch). H.: Khoa học Xã hội, 2003.
7. Naisbitt J. và Aburdene. Các xu thế lớn năm 2000. Tp. Hồ Chí Minh: Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
8. Ohno K. Hoạch định chính sách công nghiệp ở Thailand, Malaysia và Nhật Bản. H.: Lao động - Xã hội, 2006.
9. Ohno K. và Nguyễn Văn Thường (Chủ biên). Hoàn thiện chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam. H.: Lý luận Chính trị, 2005.
10. Joseph E. Stiglitz và Shahid Yusuf (Chủ biên). Suy ngẫm lại sự thần kỳ Đông Á. H.: Chính trị Quốc gia, 2002.
11. Trần Đình Thiên. Liên kết kinh tế ASEAN: Vấn đề và triển vọng. H.: Thế giới, 2005.
12. Trần Văn Thọ. Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hóa Việt Nam. H.: Chính trị Quốc gia, 2005.